

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2019

V/v: Ly hôn giữa bà L và ông K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nông Thị L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số nhà 467 đường 1/5, phường B'Lao, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn 8B, xã Lộc Th, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Vũ Đình Trọng K, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số nhà 47 đường Phạm Ngọc H, phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà L có mặt; ông K vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Đình Trọng K có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường Lộc T, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/3/2010. Trước khi kết hôn bà và ông K có thời gian tìm

hiếu 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ khác nhau. Ông K sống không có lập trường mà luôn nghe theo lời bố mẹ, mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì cả gia đình chồng lại chửi mắng, xúc phạm bà và cả gia đình bà. Do mâu thuẫn với gia đình chồng, lại không được sự quan tâm chia sẻ của ông K nên một mình bà phải chịu đựng làm cho hôn nhân giữa bà và ông K trở nên nặng nề. Từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay bà và ông K mỗi người sống mỗi nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông K, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 25/10/2014; Vũ Thiên Â, sinh ngày 08/02/2011. Hiện nay 02 con đang sống với ông K. Khi ly hôn bà đồng ý giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông K tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Đình Trọng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà L chung sống và đăng ký kết hôn như bà L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2017 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần là do vợ chồng khác nhau về cách sống, chủ yếu là mâu thuẫn giữa bà L với gia đình nhà chồng về cách sống, cách làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn trầm trọng là từ tháng 10 năm 2018 do bà L mở tiệm trang điểm không có thời gian quan tâm đến gia đình chồng, do đó giữa bà L và bố ông có xảy ra xích mích, bà L có những lời nói không hay với bố ông, trong lúc nóng giận bố ông đã đuổi bà L ra khỏi nhà và gọi bố mẹ bà L đến nói chuyện. Từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, ông thấy bà L cương quyết không muốn quay về nên ông cũng không gọi điện hay liên lạc gì. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà L trình bày là đúng. Hiện nay 02 con đang sống với ông. Khi ly hôn ông đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố

B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nông Thị L đối với ông Vũ Đình Trọng K; về con chung: giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Bà L và ông K không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét; về án phí: Bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Đình Trọng K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nông Thị L và ông Vũ Đình Trọng K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà L và ông K có mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về cách sống. Do bà L sống chung với gia đình chồng nên giữa bà L với gia đình chồng cũng xảy ra nhiều xích mích, cãi vã bất hòa, ông K lại không có sự quan tâm chia sẻ với vợ mà để bà L tự giải quyết, do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa bà L vẫn kiên quyết xin được ly hôn vì không còn tình cảm gì với ông K. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà L và ông K sống không hạnh phúc, bà L có mâu thuẫn với gia đình chồng nên từ cuối năm 2018 cho đến nay bà L và ông K đã sống mỗi người một nơi. Phía ông K cũng đồng ý ly hôn vì thấy bà L cương quyết không trở về chung sống nữa. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà L và ông K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Hiện nay bà L không có nhà ở và công việc không ổn định nên bà đồng ý giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay 02 con chung vẫn đang được ông K chăm sóc tốt và phát triển bình thường, nên

giao con Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 25/10/2014; Vũ Thiên Ân, sinh ngày 08/02/2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông K và bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông K và bà L đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nông Thị L và ông Vũ Đình Trọng K.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Ngọc Trúc L, sinh ngày 25/10/2014; Vũ Thiên Ân, sinh ngày 08/02/2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông K và bà L không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông K và bà L đều khai không có.

5. Về án phí: Bà Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005213 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND phường Lộc T, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền